

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4442/STC-GCS ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định:

“Điều 13. Thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định

2. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thì đề nghị lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.”

Tại khoản 1 của Công văn số 5488/BTC-QLCS ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hình thức quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tỉnh An Giang, Bộ Tài chính có ý kiến: “Đối với tài sản cố định vô hình: Để phù hợp với tình hình, điều kiện sử dụng tài sản thực tế tại địa phương, tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc

phạm vi quản lý của địa phương, không quy định cụ thể về hình thức văn bản.”.

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

b) Phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”.

Tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:

d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;”

Căn cứ quy định trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang theo trình tự, thủ tục rút gọn là ***cần thiết và đúng thẩm quyền.***

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Dự thảo Quyết định quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp Nhà nước có tài sản cố định vô hình do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định do Nhà nước giao cho

doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát một số nội dung sau:

1. Rà soát, quy định tại Điều 1 và Điều 2 dự thảo Quyết định phù hợp do “Đối tượng áp dụng” tại Điều 2 đã được quy định cụ thể tại Điều 1.

Trường hợp quy định “Đối tượng áp dụng” và “Phạm vi điều chỉnh” thành 2 Điều khác nhau, đề nghị điều chỉnh quy định phù hợp, tránh lặp lại nội dung.

2. Về đối tượng áp dụng tại Điều 1 và khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định

Điều 1 dự thảo Quyết định quy định: “doanh nghiệp Nhà nước có tài sản cố định vô hình do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”.

Khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định: “Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”

a) Qua rà soát các quy định trên, có thể thấy, quy định tại Điều 1 và khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định chưa bảo đảm tính thống nhất, có khả năng dẫn đến cách hiểu chưa rõ ràng trong quá trình áp dụng. Cụ thể:

Điều 1 quy định “tài sản cố định vô hình” nhưng khoản 3 Điều 2 chỉ quy định “tài sản cố định”, như vậy, phạm vi điều chỉnh giữa hai quy định chưa thống nhất.

Bên cạnh đó, đề nghị rà soát cách trình bày quy định phù hợp chưa (từ “doanh nghiệp” được sử dụng lặp lại 03 lần trong cùng một câu; cụm từ “Doanh nghiệp được giao quản lý” và “giao cho doanh nghiệp quản lý” có tính chất, ý nghĩa tương tự nhau nhưng xuất hiện trong cùng một câu thì có phù hợp không).

b) Tại điểm a khoản 1 Điều 1, điểm c khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 141/2025/TT-BTC quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; bao gồm:

d) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

c) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư này.”

Căn cứ các quy định trên, Thông tư số 141/2025/TT-BTC không quy định “doanh nghiệp nhà nước” mà chỉ quy định “doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý”. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định “Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý”. Tuy nhiên, Điều 1 dự thảo Quyết định quy định “doanh nghiệp Nhà nước”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh quy định tại dự thảo Quyết định phù hợp, thống nhất.

III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Quyết định theo ý kiến tại Mục II của Báo cáo này và lưu ý một số nội dung sau:

1. Điều chỉnh số trang văn bản theo quy định tại khoản 2; khoản 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“7. Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng số Ả Rập, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, không hiển thị số trang thứ nhất, đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. ...”

2. Bỏ đường gạch ngang dưới tên dự thảo Quyết định.

3. Điều chỉnh phần Theo đề nghị tại căn cứ ban hành như sau: “*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số .../TTr-STC ngày ... tháng ... năm 2026;*”

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*phụ lục*” thành “*Phụ lục*” tại Điều 3 dự thảo Quyết định.

5. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh “*Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp*” thành “*Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp*”; điều chỉnh dòng “*TT TU, HĐND*” phù hợp (cấp nào) tại Nơi nhận.

6. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cỡ chữ tại thẩm quyền ký ban hành theo quy định tại điểm b khoản 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“7. Ký văn bản quy phạm pháp luật

b) Chức vụ của người có thẩm quyền ký văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, đậm.”

IV. DỰ THẢO PHỤ LỤC

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh đánh số trang theo quy định tại khoản 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ

thể:

“7. Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng số Ả Rập, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, không hiển thị số trang thứ nhất, đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lê trên của văn bản. ...”

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Phụ lục theo Mẫu số 26 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

Phụ lục
DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN,
TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo ...)

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cách trình bày tên các phần mềm (cách viết hoa) tại 2.4 khoản 2 Mục I dự thảo Phụ lục phù hợp chưa, cụ thể:

- Phần mềm chuyên ngành giáo dục đào tạo.
- Phần mềm chuyên ngành y tế.
- Phần mềm chuyên ngành quản lý tài chính, ngân hàng.
- Phần mềm chuyên ngành Xây dựng.
- Phần mềm chuyên ngành giao thông vận tải và logistics.
- Phần mềm chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
- Phần mềm trong lĩnh vực Nông nghiệp.
- Phần mềm trong lĩnh vực sản xuất Công nghiệp khác.
- Phần mềm chuyên ngành Tài nguyên-môi trường.
- Phần mềm chuyên ngành Du lịch.”

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “đồ họa” thành “đồ họa” tại 3.6 và 4.9; rà soát tên phần mềm “Phần mềm hệ cho thiết bị khác” tại 4.9 phù hợp chưa (“Phần mềm hệ thống cho thiết bị khác” hay “Phần mềm điều khiển cho thiết bị khác”).

5. Toàn bộ các nhóm phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác đều đang áp dụng thống nhất thời gian sử dụng để tính hao mòn là 5 năm, tương ứng tỷ lệ hao mòn 20%/năm. Tuy nhiên, trong thực tế, thời gian sử dụng, khai thác của từng loại phần mềm, tài sản có sự khác biệt. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định thống nhất tại dự thảo Phụ lục có phù hợp không.

6. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn, do cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm tham mưu theo đúng quy định.

V. TỜ TRÌNH DỰ THẢO

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung tại Tờ trình

dự thảo theo ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này và lưu ý một số nội dung sau:

1. Do Tờ trình dự thảo là văn bản hành chính nên đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm b khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư, cụ thể:

“b) Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.”

2. Rà soát, điều chỉnh từ “*Khoản*” thành “*khoản*”; “*Văn bản*” thành “*văn bản*”; “*UBND*” thành “*Ủy ban nhân dân*”.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Đăng ký xây dựng Quyết định của Sở Tài chính đã được chấp thuận tại Công văn số 8477/VP-KT của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc xây dựng Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

2. Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định, lấy ý kiến góp ý tại Công văn số 4080/STC-GCS ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc tham gia góp ý dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

3. Sở Tài chính đã tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 4442/STC-GCS.

VII. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo các ý kiến tại Mục II, III, IV, V của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, bpthao.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc